

QUAN NIỆM VỀ BẢN THỂ CỦA PHẬT GIÁO QUA KINH VIÊN GIÁC

Tóm tắt: Với tư cách là một học thuyết mang đậm tính triết học, những tư tưởng của Phật giáo cũng luận bàn nhiều những vấn đề thuộc lĩnh vực triết học. Bộ Kinh Viên Giác thường được đánh giá là một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo. Nội dung Bộ Kinh này chuyển tải những lời thuyết giảng của Đức Phật cho các vị Bồ Tát và chúng sinh trên con đường tu tập để đạt đến Viên Giác, nhưng trong đó lại bao hàm nhiều triết lý sâu xa của Phật giáo liên quan đến vấn đề bản thể luận trong triết học. Bài viết này bước đầu bàn về vấn đề “bản thể” của triết học qua các khái niệm của Phật giáo trong Kinh Viên giác.

Từ khóa: Bản thể, Phật giáo, quan niệm, Viên Giác.

1. Đặt vấn đề

Bản thể luận là một trong những nội dung cơ bản của triết học, luôn được các nhà triết học đề cập đến bất luận theo quan điểm, trường phái nào. Những quan niệm về bản thể luận có thể rất khác nhau, nhưng tựu trung lại theo cách này hay cách khác, ở trình độ lý luận hay chỉ là những quan niệm có tính hệ thống thì đều nhằm tới việc lý giải cho sự tồn tại hiện thực trên lát cắt cội nguồn, khởi nguyên của nó.

Phật giáo được gọi là Đạo giác ngộ. Với tâm từ bi, cứu khổ của Đức Phật mong giải thoát hết thảy mọi chúng sinh bằng con đường giải thoát vô chấp, vô trụ, không phân biệt đẳng cấp, tầng lớp hay giới tính, vượt lên mọi đối nghịch. Mặc dù nội dung chủ yếu của Phật giáo là bàn về vấn đề *giải thoát* - đưa chúng sinh thoát khỏi nỗi khổ đau của cuộc đời hiện thực, nhưng với tư cách là một học thuyết mang đậm tính triết học, những tư tưởng của Phật giáo cũng luận bàn nhiều những vấn đề thuộc lĩnh vực triết học, như: quan niệm về sự tồn tại của thế giới (bản thể luận), về sự tồn tại của con người và ý nghĩa của cuộc sống (nhân sinh quan). Những quan niệm về “pháp”, “bản thể”, “tâm”, “vô thường”, “vô ngã”, “nhân duyên”, “sắc - không”, “nhân quả”, “luân hồi”, “nghiệp báo”, “thập nhị nhân

* Thích Quảng Tùng, Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

duyên”, “tứ diệu đế”, “giải thoát”, “Niết Bàn”,... xét đến cùng đều hướng tới việc lý giải về sự tồn tại của thế giới, những biểu hiện và sự biến dịch không ngừng của vạn vật nhằm đạt tới mục đích cuối cùng là giải thoát.

2. Vấn đề “bản thể” trong Kinh Viên Giác

Kinh Viên Giác là bộ kinh đồ sộ trong kho tàng kinh điển của Phật giáo thuộc phái Đại thừa. Kinh Viên Giác ghi lại lời thuyết giảng của Đức Thế tôn cho các vị Bồ Tát, nên cuốn Kinh được bố cục theo pháp danh của 12 vị Bồ Tát đã trực tiếp vấn đáp Đức Thế tôn về vấn đề tu chứng, bao gồm:

1. Chương Văn Thù
2. Chương Phổ Hiền
3. Chương Phổ Nhãn
4. Chương Kim Cang Tạng
5. Chương Di Lạc
6. Chương Thanh Tịnh Tuệ
7. Chương Uy Đức Tự Tại
8. Chương Biện Âm
9. Chương Tịnh Chư Nghiệp Chướng
10. Chương Phổ Giác
11. Chương Viên Giác
12. Chương Hiền Thiện Thủ

Đây là Bộ Kinh hàm chứa nội dung tính “nhất thừa viên giáo”, không thiên lệch giữa các pháp môn tu hành, không có sự phân cách giữa Đại thừa và Tiểu thừa, mà chỉ có “kiến tính thành Phật”. “Viên Giác”, theo Hán tự, có thể cắt nghĩa như sau: “Viên” là tròn đầy, không một chút khuyết thiếu, không phải là sút mẻ, mà là viên dung vô ngại, không có cái gì lọt ra ngoài được (sâm lậu). “Viên” còn có nghĩa không thời nào không tồn tại, không có nơi nào không có mặt. Dù ở bất cứ thời gian, không gian nào cũng có thể thành Phật. “Giác” là có đầy đủ giác tính cũng là Phật tính Tùy thời cảnh mà luôn luôn tròn đầy giác tính (tức tính giác ngộ sẵn có) tùy thời, tùy cảnh mà ngộ đạo. Đó là ý tứ của Phật.

Bộ Kinh này thường được đánh giá là một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo, ở đó Đức Phật muốn khai thị về tự tính Viên Giác. Con người ai cũng có sẵn trong mình sự giác ngộ viên mãn như một bản thể không đổi mà sự hiện hữu trên cõi đời chỉ là diệu dụng, tùy duyên được sinh ra từ bản thể thanh tịnh đó. Khi con người tìm được các pháp môn tu hành thích hợp để giác ngộ là trở về tự tính Viên Giác. Đó là khi

thế giới đã vượt lên mọi sự đối đãi, bản thể tức là hiện tượng và ngược lại, tuyệt đối bình đẳng, đạt được sự tự do tuyệt đối về mặt tâm linh, v.v.. Với những tư tưởng như vậy, bộ Kinh này mặc dù là sự chuyển tải những lời thuyết giảng của Đức Phật cho các vị Bồ Tát và chúng sinh trên con đường tu tập để đạt đến Viên Giác, nhưng trong đó lại bao hàm nhiều triết lý sâu xa của Phật giáo liên quan đến vấn đề bản thể luận trong triết học. Đây cũng là Bộ Kinh minh chứng rõ nét cho những tư tưởng sâu sắc của triết học Phật giáo về bản thể nhằm xóa bỏ địa vị, giai cấp, đạt đến tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, hành vô hành hành.

Có thể thấy mọi kinh điển Phật giáo đều đưa ra những quan niệm của mình về bản thể. Không hiểu quan niệm về bản thể của Phật giáo thì khó có thể nắm được những ý tưởng thâm diệu của giáo lý này trong những tư tưởng của nó. Cái gọi là bản thể chính là sự tồn tại cùng cực đằng sau hiện tượng vũ trụ.

Theo quan niệm của Phật giáo, bản thể là: “căn bản tự thể của các pháp”¹, mà “Pháp là từ chỉ chung hết thảy mọi sự vật, hiện tượng, dù là to nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thực, hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất thảy đều là pháp cả”². Theo Kinh Hoa Nghiêm, thế giới bản thể gọi là lý pháp giới, thế giới hiện tượng gọi là sự pháp giới. Nó như nước với sóng. Như vậy, bản thể vừa là tâm thức, vừa là vật chất. Nó là cái duy nhất, đầu tiên, là cội nguồn hay thực tại cuối cùng mà trên đó vũ trụ được hình thành. Từ bản thể hay chân không, do vô minh, vọng động mà xuất hiện chúng sinh. Các chúng sinh sau khi giải thoát lại trở về hòa nhập với bản thể tuyệt đối này.

Như vậy, bản thể là *Tâm*. Tâm có nhiều “Tâm”: Chân tâm, vọng tâm, sân tâm, hỷ tâm,... Theo Đại thừa Phật giáo: Tâm của “nhất thiết duy tâm tạo” trong Kinh Hoa Nghiêm hoặc Tâm của *Viên Giác diệu tâm* của Kinh Viên Giác, là bản thể. Tất cả, từ các sự vật, hiện tượng cho đến sơn hà đại địa đều từ *Tâm* đó mà sinh ra. Cái *Tâm* ban đầu vốn tròn đầy, yên tĩnh, chưa xao động. Bản thể của *Tâm* được ví như mặt nước lặng trong, do gió thổi (vọng tâm sinh khởi) mà tạo ra sóng to, sóng nhỏ, bọt, bong bóng,... Gió ngừng thổi thì sóng hết, bọt tan chúng lại trở về với mặt nước yên lặng. Đó chính là bản thể của nó. Vậy *Tâm* là cái bất biến, cố sẵn, không thay đổi. Những biểu hiện biến đổi của tâm là do có tác động từ bên ngoài, có sự tiếp xúc của “lục căn” (cơ quan cảm giác chủ quan) với “lục trần” (thế giới khách quan) làm xuất hiện *tâm* với tư cách là ý thức chủ quan làm tâm xao động, chạy theo cái ảo, giả mà sinh ra “tham”, “sân”,

“si”... là quá trình tạo nghiệp, tạo nhân, để làm che mờ bản chất, làm con người đi vào vòng luân hồi không dứt. Nhưng khi vượt qua được điều đó, khi con người được giải thoát, có được trí tuệ bát nhã để phá tan vô minh, khi cái tâm ý thức không còn bị tác động và chi phối bởi các yếu tố khách quan thì vạn vật lại trở về chính nó - cái *Tâm* ban đầu, thanh tịnh, yên tĩnh, trong trẻo, là khởi nguồn của tồn tại. Như vậy, thế giới hiện tượng (vạn tượng) đều từ bản thể (chân tâm, chân như) mà ra. Cái *chân như* đó là pháp chân thật, không hình không tướng, lúc nào cũng vậy, bất biến. Theo quan điểm đó, thế giới vật chất cụ thể do nhân duyên tạo thành chỉ là hư ảo, cái bản thể không hình tướng mới là chân thực duy nhất.

Chính từ quan điểm bản thể này mà những tư tưởng căn bản của Phật giáo mới hướng tới việc lý giải nỗi khổ của đời người và tìm cách giải thoát con người khỏi nỗi khổ trong thuyết “Tứ Diệu đế”. Vì thế gian là vô thường, con người là vô ngã, nhưng do mê lầm, mong muốn sự tồn tại vĩnh hằng nên con người mới níu kéo hiện thực bằng những ảo ảnh phù du. Đau khổ nảy sinh từ mâu thuẫn của lòng khát khao về cái vô hạn, trường cửu, trong khi đời người là hữu hạn, phù du.

Trong Kinh Viên Giác, bản thể chính là Viên Giác Như Lai: “Tất cả chúng sinh, các thứ huyễn hóa, đều sinh trong cái tâm màu nhiệm Viên Giác Như Lai. Cũng như các đốm hoa trong hư không, từ hư không mà có. Khi các đốm hoa hư huyễn bị diệt, tính không vì thế mà bị hoại diệt. Huyễn tâm của chúng sinh theo huyễn mà diệt, các huyễn dù bị diệt hết thì cái tâm Viên Giác vẫn bất động”³. Như vậy, cái bản thể khởi nguyên của thế giới luôn bất động, không thay đổi như nước lặng, trong không hình không tướng. “Các huyễn dù bị diệt hết thì cái tâm Viên Giác vẫn bất động”⁴. Còn thế giới hiện tượng chẳng qua chỉ là hình, tướng của bản thể mà thôi. Nếu ví bản thể như nước, thì bản chất của nó là tĩnh lặng. Khi nước bị khuấy tạo thành sóng hay bọt: đó là dụng. Đó là cái đã có hình, tướng (là thế giới hiện tượng). Cái hình, tướng vì thế là giả, có thể mất đi, nhưng cái thật (bản thể) thì không mất. Cái hình tướng có thể khác nhau, nhưng bản thể là như nhau. Phật dạy, cái âm thanh nghe được là huyễn hóa; cái tạo ra âm thanh là huyễn hóa. Huyễn lại huyễn khứ. Khi huyễn hóa bị diệt hết rồi, sẽ thấy cái tâm Viên Giác không một chút xao động. Và như thế, sự phong phú của vạn vật cho dù có sai biệt đến bao nhiêu thì cuối cùng người ta cũng vẫn thấy ra bản chất thống nhất của nó trong các tướng khác biệt. “Phong phú đa dạng mới gọi là thế gian. Nhưng cái tính bản thể ở trong vô số các tướng sai biệt thì nó là bình

đẳng. Vì vậy, Phật pháp mới nói: “tính tướng bình đẳng”. Tính là chỉ bản thể. Tướng là chỉ hiện tướng. Tức là dụng, thể và dụng bình đẳng, bản thể và hiện tướng bình đẳng. Vì sao vậy? Bởi vì thể và tướng đều là không”⁵.

Với cách quan niệm như vậy, triết học Phật giáo đã đem lại một cách tiếp cận mới trong việc lý giải sự tồn tại của thế giới hiện hữu ở một tầng bậc sâu xa nhất, với một linh cảm trực giác không thể lý giải mà cũng khó có thể bác bỏ. Và như thế, sự tồn tại của các mặt đối lập, các trạng thái khác nhau của thế giới hiện thực mặc dù có tướng rất khác nhau nhưng lại chung một bản thể. Ví dụ: Niết Bàn (yên vui) - Sinh tử (đau khổ) - đó là tướng khác nhau, nhưng thực ra chúng là giống nhau vì cùng một bản thể và tất cả thế giới này là như thế:

“Hết thấy chương ngại tức là cái giác rốt ráo (cứu cánh), đặc niệm thất niệm đều là giải thoát; thành pháp phá pháp đều là Niết Bàn; Trí tuệ ngu si đều là Bát Nhã; Bồ Tát ngoại đạo thành tựu các pháp đều là Bồ Đề; vô minh chân như đều cùng một cảnh giới; giới định tuệ và dâm nộ si đều là phạm hạnh; Chúng sinh, quốc độ cùng một pháp tính; địa ngục thiên đường đều là tịnh độ; Hữu tình, vô tình đều thành Phật đạo; Hết thấy phiền não đều là giải thoát rốt ráo. Biên tuệ pháp giới soi chiếu các tướng cũng như hư không. Điều đó gọi là tùy thuộc giác tính của Như Lai”⁶.

Khi đã hiểu bản thể là gì, Phật giáo còn đưa ra quan niệm con đường nhận chân ra bản thể và trở về bản thể.

Theo quan niệm của Phật giáo, chúng sinh xưa nay vốn thanh tịnh không nhiễm ô. Khi vào đời sống, do sáu căn tiếp xúc sáu trần và sáu thức phân biệt nên vọng tưởng, điên đảo đã che lấp chân tính vốn thanh tịnh. Nay muốn thấy đạo phải tu tập để trở về với tâm thanh tịnh với chân tính vốn có của mình. Muốn được thành Phật, hành giả phải tu tập để đạt được thanh tịnh thân tâm. Song vì cảnh giới thanh tịnh quá cao, khó mà đạt ngay đến được cho nên Bồ Tát Văn Thù đã hỏi Phật rằng: “Pháp hành tu “bản khởi thanh tịnh nhân địa” của Đức Phật Như Lai thế nào?”⁷. Phật giải thích rằng, thanh tịnh là bước thứ nhất, là cái nhân, là nền móng, là “nhân địa” của quá trình thành Phật. Điều cốt yếu là phải luôn giữ cho thân và tâm lúc nào cũng ở trong trạng thái thanh tịnh. Giả sử trong tâm có sự mong muốn, sở cầu nào đó thì dù có tu đạo, niệm Phật, tưởng rằng đó là thanh tịnh, nhưng thực ra không thanh tịnh, phải vứt bỏ cái ý niệm mong muốn sở cầu đi thì mới mong đạt được sự thanh tịnh. Phát tâm tức là phát Bồ Đề tâm. Bởi vì, chỉ có thực sự khai ngộ rồi mới đạt được tới “vô ngã”, rồi mới có thể hy sinh bản thân mình để mà cứu độ chúng sinh.

Khi tâm con người đã thanh tịnh thì mới nhận thấy tất cả thế giới này đều là một, từ một bản thể chân tâm là gốc, là cái làm nên (sinh ra) mọi vật: “Phổ Hiền ông nên biết, tất cả các chúng sinh, vô thủy huyền vô minh, đều từ nơi như lai Viên Giác tâm mà có. Chúng cũng như “không hoa” nương hư không mà có. “Không hoa” dù diệt hết, hư không vẫn bất động. Huyền từ các “giác” sinh, huyền diệt “giác” viên mãn, bởi giác tâm bất động”⁸. Tại sao khi các huyền diệt hết thì tính Viên Giác tràn đầy? Bởi vì giác tâm luôn bất động vậy. Cái giác tâm, cái Phật tính, của chúng ta vốn là nhất như bất động; không vì có tu mà nó gia tăng, hoặc không tu mà nó giảm bớt. Trở lại tìm kiếm ngay cái giác tâm (tâm viên giác) của chính mình, và chính lúc đó là ngộ đạo.

Quan điểm về cái gốc của tồn tại như thế đã làm cho những luận giải của Phật giáo về những biểu hiện vô cùng phong phú của thế giới hiện tượng chẳng qua là do vọng tâm mà ra là một sự giải thích ít nhiều thuyết phục:

Với quan niệm như vậy, triết lý Phật giáo, từ cái cội nguồn của bản thể là sự tịnh tâm, cũng chính là Bồ Đề, Niết Bàn muốn khẳng định con người chỉ có thể trở lại chính mình hay là bản thể khi phải phá bỏ được vô minh. Và chỉ khi phá bỏ được vô minh mới ra khỏi sinh tử luân hồi. Vậy vô minh là gì? Đó là để chỉ cái tâm ám độn, không chiếu rọi rõ ràng sự lý của các pháp, không sáng suốt, không nhận thức được rằng thế giới, hiện tượng, sự vật đều là ảo giả mà lại cứ cho đó là thực. Đó là sự mê lầm, lẫn lộn thật giả, thực hư, không hiểu lẽ vô thường, vô ngã, không biết về khổ. Vô minh là cội nguồn của nỗi khổ con người mà nếu không diệt trừ được nó thì chúng sinh chẳng bao giờ chạm được tới cảnh giới Niết Bàn. Vậy, làm thế nào để nhận biết vô minh. Đức Phật đã luận chứng điều này bằng quan điểm phải *Dùng trí tuệ để nhận biết vô minh*. Trí tuệ là bước đầu tiên trên con đường học Phật và khâu cuối cùng của học Phật cũng chính là trí tuệ.

3. Tạm kết

Với quan niệm bản thể của thế giới là sự thống nhất trong một bản nguyên duy nhất là *Như Lai Viên Giác*, là *chân tâm* của Phật giáo trong Kinh Viên Giác, thế giới đã được lý giải dưới con mắt Phật giáo là một sự thống nhất trong tận cùng xuất phát điểm của nó. Nó thể hiện tư tưởng biện chứng và khái quát vô cùng sâu sắc của người Phương Đông trong những lý giải về thế giới mà càng trải nghiệm người ta dường như càng cảm thấy nó đúng, bất chấp những đòi hỏi về những bằng chứng cụ thể trong hiện thực chỉ có thể cảm nhận một cách trực quan.

Quan niệm dùng trí tuệ để phá bỏ vô minh cho thấy Phật giáo là tôn giáo đã biết đề cao giá trị của tri thức trên con đường tìm kiếm chân lý. Mặc dù Tuệ trong cách hiểu của Phật giáo không chỉ là trí tuệ hiểu theo nghĩa thông thường mà là cái biết trên sự thực hành, cái biết qua trực giác, cái biết của *trí tuệ Bát Nhã*. Nhờ *Tuệ* đó mà con người mới có thể nhận thức được quy luật và sống hài hòa với quy luật (quy luật về vô ngã, vô thường, lý nhân duyên...). Đó là quá trình lấy *minh* để hóa giải *vô minh*, được ví như ánh đèn xua tan bóng tối vô minh, là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa đến Niết Bàn giải thoát. Sự lý giải như thế trong tư tưởng Phật giáo thực sự là một cách đặt vấn đề có tính nhập thế và khoa học./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Phân viện Nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2004), *Từ điển Phật học Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà nội: 9.
- 2 Phân viện Nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2004), *Từ điển Phật học Hán - Việt*, sđd: 957.
- 3 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải* (dịch giả: Mai Xuân Hải, Lương Gia Tĩnh), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 114.
- 4 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải*, sđd: 116.
- 5 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải*, sđd: 360.
- 6 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải*, sđd: 389.
- 7 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải*, sđd: 43.
- 8 Nghiêm Hoài Cần (1999), *Kinh Viên Giác luận giải*, sđd: 133.

Abstract

THE BUDDHIST CONCEPTION OF THE ESSENCE THROUGH THE VIÊN GIÁC SCRIPTURES

As a philosophical doctrine, the Buddhist thought mainly discussed on philosophical domain. The Viên Giác scriptures are considered one of the most important scriptures of Buddhism. The content of these scriptures transmitted the teachings of the Buddha to the Bodhisattva and humankind in their self-cultivation path to reach the Viên Giác, as well as, it included the profound philosophy of Buddhism that related to the ontology of philosophy. This article initially discusses on the “ontology” of philosophy through the Buddhist conception in the Viên Giác scriptures.

Keywords: Buddhism, essence, scripture, Viên Giác.